

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÚC TIẾN THƯƠNG  
MẠI VCA GLOBAL**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XUẤT NHẬP  
KHẨU VÀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI VCA GLOBAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VCA GLOBAL EXPORT AND IMPORT  
CONSULTING AND TRADE PROMOTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VCA GLOBAL., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110749257

**3. Ngày thành lập:** 13/06/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

14-15A Tầng 7, Tòa nhà Charmvit, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận  
Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0972887252

Fax:

Email: [vcaglobaljsc@gmail.com](mailto:vcaglobaljsc@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>- Chi tiết: - Giao nhận hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển ; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển ; Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần; Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa - Dịch vụ Logistics cho các khách hàng trong các Khu công nghiệp và Khu đô thị (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không) | 5229        |
| 2.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư - Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6619(Chính) |
| 3.  | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm<br>Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6622        |
| 4.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Khoản 1 Điều 3 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014) (Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6810        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Môi giới bất động sản (Khoản 2 điều 3 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014) Tư vấn bất động sản (Khoản 8 điều 3 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014) (Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6820 |
| 6.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>- Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7020 |
| 7.  | Quảng cáo<br>(Trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7310 |
| 8.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(trừ dịch vụ điều tra và các loại thông tin nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7320 |
| 9.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản; - Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền) - Hoạt động bởi các đại lý hoặc các đại lý thay mặt cá nhân thường liên quan đến việc tuyển dụng người cho điện ảnh, âm nhạc hoặc thể thao, giải trí khác hoặc sắp xếp sách, vở kịch, tác phẩm nghệ thuật, ảnh... với nhà xuất bản hoặc nhà sản xuất... (Trừ hoạt động của những nhà báo độc lập, thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng ; Tư vấn chứng khoán) | 7490 |
| 10. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7730 |
| 11. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức sự kiện, hội chợ, hội nghị, hội thảo, triển lãm (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8230 |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8299 |
| 13. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>Chi tiết: tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, tổ chức biểu diễn thời trang, tổ chức các chương trình ca nhạc trong nhà và ngoài trời (trừ kinh doanh vũ trường, phòng trà ca nhạc và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                                                                                                                                                                                                                                                                                | 9000 |
| 14. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4610 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                              |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 15. | Bán buôn thực phẩm<br>(Không hoạt động tại địa chỉ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4632                                                         |
| 16. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4690                                                         |
| 17. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>- Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; - Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet. (Không bao gồm hoạt động đấu giá) (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cần, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở) | 4791                                                         |
| 18. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4799                                                         |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ<br>- (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5225                                                         |
| 20. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện                                                                                                                        | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông            | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                     | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ<br>HỒNG VÂN | 3/50/310 Nghi<br>Tâm, Phường Tứ<br>Liên, Quận Tây<br>Hồ, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                                 | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 17.000        | 170.000.000              | 17,000       | 0141540000<br>07                                                                                                       |            |
|     |                        |                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                        | Tổng số                            | 17.000        | 170.000.000              | 17,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | ĐỖ HOÀNG<br>NAM        | Tòa N03-T2 Khu<br>đô thị Ngoại giao<br>đoàn, Phường<br>Xuân Tảo, Quận<br>Bắc Từ Liêm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 3.000         | 30.000.000               | 3,000        | 0310860068<br>69                                                                                                       |            |
|     |                        |                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                        | Tổng số                            | 3.000         | 30.000.000               | 3,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                      |                                                                                    |                           |        |             |        |              |
|---|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ KIM THANH | 41/22 Đường 9, Phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  | 079156001386 |
|   |                      |                                                                                    | Cổ phần phổ thông         | 18.000 | 180.000.000 | 18,000 |              |
|   |                      |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                      |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                      |                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                      |                                                                                    | Tổng số                   | 18.000 | 180.000.000 | 18,000 |              |
|   |                      |                                                                                    |                           |        |             |        |              |
| 4 | NGUYỄN THỊ THU LIÊN  | T7, 458 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  | 001162017722 |
|   |                      |                                                                                    | Cổ phần phổ thông         | 62.000 | 620.000.000 | 62,000 |              |
|   |                      |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                      |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                      |                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                      |                                                                                    | Tổng số                   | 62.000 | 620.000.000 | 62,000 |              |
|   |                      |                                                                                    |                           |        |             |        |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU LIÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 06/11/1962

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001162017722

Ngày cấp: 23/08/2022

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *128 Đại La, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *T7, 458 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội